TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3** TỈNH TÂY NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 425/2025/DS-ST
Ngày: 29/9/2025
V/v "tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thức.

Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Văn Ghên.

Bà: Nguyễn Thị Rạt.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý– Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3- Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Còn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 657/2019/TLST-DS ngày 09/12/2019 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 218/2025/QĐST-DS ngày 13/9/2025, giữa:

1. ***Nguyên đơn*****:** Ông Trần Quốc V, sinh năm 1981.
Địa chỉ: Số A, đường N, phường T, quận B, Tp ..
Địa chỉ hiện nay: Số A, đường N, phường B, Tp . (có mặt).
Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Anh K – Văn phòng L3 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H.
Địa chỉ: Số C, N, phường A, Quận F, Tp ..
Địa chỉ hiện nay: Số C, Nguyễn Văn L, phường P, Tp ..

2. ***Bị đơn***: Ông Bùi Hữu C, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số B, đường số B, Khu dân cư H, khu phố D, phường T, quận B, Tp ..
Địa chỉ hiện nay: Số B, đường số B, Khu dân cư H, khu phố D, phường T, Tp . (có mặt).

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

3.1. Ông Lê Thành N, sinh năm 1982 (vắng mặt).

3.2. Bà Võ Thị Kim T, sinh năm 1981(vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã Đ, Đ, tỉnh Long An.

Địa chỉ hiện nay: Ấp D, xã M, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

3.3. Bà Đặng Thị Bạch L1 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, Nguyễn Triệu L2, phường B, Tp ..

3.4. Bà Võ Thị V1, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số B, đường số B, Khu dân cư H, khu phố D, phường T, Tp . (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2019 và quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Quốc V trình bày:

Nguyên ông là người sử dụng đất ở đối với thửa đất số: 632, tờ bàn đồ số: 12, tọa lạc tại: ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở số: CE 117646, vào sổ số: CS00925 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh L cấp ngày 06/9/2016 kèm trích lục bản đồ địa chính ngày 29/9/2015 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ có thực trạng: Diện tích là 187m^2. Hình thức sử dụng đất: sử dụng riêng. Mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn.

Vào khoảng thời gian tháng 09 năm 2019, ông có nhu cầu đổ đất làm nền trên quyền sử dụng thửa đất nêu trên thì ông Bùi Hữu C là người sử dụng thửa đất liền kề thửa 1320, tờ bản đồ số 12, ấp C, xã Đ ngăn chặn không cho ông đổ đất đúng với diện tích mà nhà nước công nhận cho ông và ông C đã làm hàng rào lấn chiếm qua đất của tôi với chiều dài: 13,7m và chiều ngang khoảng 2m. Sau đó, các bên phát sinh tranh chấp và đã đưa ra UBND xã Đ hòa giải nhưng hai bên hòa giải không thành theo biên bản hòa giải ngày 03/10/2019.

Nay, ông khởi kiện yêu cầu ông Bùi Hữu C trả di dời hàng rào trả lại cho tôi phần đất lấn chiếm có diện tích khoảng 20,2m^2, theo mảnh trích đo địc chính số 116-2021 do Công ty Đ1 đo vẽ đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực Đ) phê duyệt ngày 08/02/2021, thuộc một phần thửa 632, tờ bản đồ số 12, đất toa lạc tại ấp C, xã Đ, Đ, Long An nay là xã M, tỉnh Tây Ninh.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Bùi Hữu C trình bày: ông đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 1320, tờ bản đồ số 12, xã Đ, đức H, Long An (nay là ấp C, xã M, tỉnh Tây Ninh), đất giáp ranh liền kề với thửa 632 do ông V đang đứng tên. Nguồn gốc đất, ông nhận chuyển nhượng từ ông Lê văn Đ và bà nguyễn Thị V2. Khi nhận chuyển nhượng, hai bên có nhờ dịch vụ đo đạc diện tích đất. sau đó ông tiến hành xây dựng hàng rào cao khoảng

0,5 mét bao quanh khu đất và không có lấn sang thửa đất của ông V nên ông, đồng thời thay mặt bà Võ Thị V1 (vợ của ông) không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông V.

Tòa án có tiến hành hòa giải nhưng các bên không thống nhất ý kiến.

Bà Đặng Thị Bạch Lê X xét xử vắng mặt nhưng có văn bản trình bày: bà là vợ ông Trần Quốc V, bà thống nhất với ý kiến, lời trình bày của ông V theo như ghi trong đơn khởi kiện.

Ông Lê Thành N vắng mặt nhưng theo đơn yêu cầu độc lập ngày 04/8/2022, ông trình bày: ông là chủ sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 021179, số vào sổ cấp GCN: CH 00077 do Uy ban nhân dân huyện Đ, Long An cấp ngày 29/01/2013 đối với các thửa đất 630, 631; tờ bản đồ số 12 đất tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (cũ). Các thửa đất của ông giáp ranh với thửa đất đang tranh chấp của ông Bùi Hữu C với ông Trần Quốc V. Nay ông Bùi Hữu C với ông Trần Quốc V phát sinh tranh chấp với yêu cầu "trả lại phần đất lấn chiếm".

Ông N cho rằng, trong quá trình xác định ranh để giải quyết vụ án giữa các bên thì ông C và ông V đã xác định ranh đất sai. Cụ thể như sau: Ông V xác định ranh nhưng đã lấn sang phần diện tích đất của ông chiều ngang khoảng 02 mét, chiều dài khoảng 11 mét, tổng diện tích khoảng 22m^2. Ông C xác định ranh nhưng đã lấn sang phần diện tích đất của ông chiều ngang khoảng 01 mét, chiều dài khoảng 8,4 mét, tổng diện tích khoảng 8,4m^2. Do vậy, ông Lê Thành N khởi kiện yêu cầu độc lập như sau:

Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh) tuyên xử theo hướng: yêu cầu ông V và ông C trả lại cho ông phần đất lấn chiếm, trong đó:

- Yêu cầu ông V phải trả lại cho ông phần diện tích đất có chiều ngang khoảng 02m, chiều dài khoảng 11m, tổng diện tích khoảng 22m^2 tại thửa đất số 631, tờ bản đồ số 12 đất tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (cũ).

- Yêu cầu ông C phải trả lại cho ông phần diện tích đất có chiều ngang khoảng 01m, chiều dài khoảng 8,4m, tổng diện tích khoảng 8,4m^2 tại thửa đất số 631, tờ bản đồ số 12 đất tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (cũ).

Tại phiên tòa, cả ông Trần Quốc V và ông Bùi Hữu C đều không đồng ý với yêu cầu độc lập của ông Lê Thành N vì cho rằng quá trình sử dụng đất, các ông không có lấn sang các thửa đất của ông N.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu ý kiến: ông V là người sử dụng đất ở đối với thửa đất số: 632, tờ bản đồ số: 12, tọa lạc tại: ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền

sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L (cũ) cấp ngày 06/9/2016 kèm trích lục bản đồ địa chính ngày 29/9/2015 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ. Đối chiếu với mảnh trích đo phần đất trah chấp do Công ty Đ1 đo vẽ đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực Đ) phê duyệt ngày 08/02/2021. Thì diện tích đất tại thửa số 632 của ông V qua đo đạc thực tế chỉ có 138,1m^2, so với diện tích đất được cấp ghi trong giấy thì ông V bị thiếu 48,9m^2. Phần đất bị thiếu hụt này chính là phần đất mà ông C đang chiếm dụng và đang phát sinh tranh chấp. Do vậy, đề nghị Hồi đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ theo pháp luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật tố tụng của dân sự.

Về nội dung: Qua lời trình bày của đương sự, chúng cứ đương sự giao nộp, chứng cứ do Tòa án thu thập, thể hiện:

Thửa đất số 632 tờ bản đồ số 12, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (cũ), có nguồn gốc là của ông Trần Quốc V nhận chuyển nhượng lại từ ông ông Đặng Văn H vào năm 2016 và ông V được nhà nước cấp giấy vào ngày 06/9/2016. Thửa đất số 1320 tờ bản đồ số 12, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (cũ), có nguồn gốc là của ông Bùi Hữu C nhận chuyển nhượng lại từ ông ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị V2 vào năm 2019 và ông C được nhà nước cấp giấy cùng năm 2019.

Hồ sơ cấp giấy của cả hai bên đều thể hiện không đo đạc thực tế, chỉ trích lục bản đồ địa chính, các hộ dân có đất liền kề không ký biên bản giáp ranh. Theo mảnh trích đo địa chính phần đất tranh chấp thì diện tích đất tại thửa số 632 của ông V qua đo đạc thực tế là 138,1m^2, so với diện tích đất được cấp thì ông V bị thiếu 48,9m^2. Tuy nhiên, phần diện tích đất bị thiếu hụt này ông V cho rằng ông C đang chiếm dụng là không có cơ sở. Bởi lẽ, về hình thể, tứ cận và ranh các thửa đất số 132, 1320 trước khi ông H chuyển nhượng cho ông V, ông Đ chuyển nhượng cho ông C thì ranh giới đất giữa hai bên đều là đường thẳng. Ông V cho rằng ông C lấn sang một phần thửa đất và yêu cầu ông C trả lại phần đất lấn chiếm thì hình thể thửa đất, ranh mốc giới tại thửa 632 không còn đúng với hiện trạng trước khi các bên nhận chuyển nhượng đất, không phù hợp với ranh bản đồ địa chính. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thành N: khởi kiện yêu cầu ông V, ông C trả lại phần diện tích đất cho rằng bị lấn chiếm tại một phần thửa số 631, tờ bản đồ số 12 do ông Lê Thành N đang đứng tên giấy. Thấy rằng đây là tranh chấp về quyền sử dụng đất thì phải được hòa giải tại cơ sở cấp xã nơi có đất đang phát sinh tranh chấp được quy định tại Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013. Hồ sơ

khởi kiện của ông Lê Thành N không thể hiện đã hòa giải tại cơ sở trước khi nộp đơn khởi kiện là chưa có đủ điều kiện khởi kiện. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông N.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, lời của Kiểm sát viên, ý kiến của đương sự; Hội đồng xét xử nhận định.

[1] . *Về thủ tục tố tụng,*

[1.1] *Thẩm quyền giải quyết vụ án*:

Ông Trần Quốc V khởi kiện yêu cầu ông Bùi Hữu C trả lại diện tích lấn chiếm thuộc một phần thửa 632, tờ bản đồ số 12, xã Đ, huyện Đ, Long An (nay là xã M, tỉnh Tây Ninh). Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh giới đất), theo quy định tại các điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh)

[1.2] *Về xét xử vắng mặt*:

Ông Lê Thành N, bà Võ Kim T vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập nên Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung là đúng với Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. *Về pháp luật nội dung cần áp dụng*: Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Đất đai năm 2013.

[2]. *Về nội dung*,

Qua lời trình bày của các đương sự, chứng cứ do đương sự cung cấp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được, thể hiện:

[2.1]. *Về nguồn gốc đất tranh chấp*,

Thửa đất số 632 tờ bản đồ số 12, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (cũ), có nguồn gốc là của ông Trần Quốc V nhận chuyển nhượng lại từ ông ông Đặng Văn H vào năm 2016 và ông V được nhà nước cấp giấy vào ngày 06/9/2016. Diện tích đất ghi trong giấy là 187m^2, loại đất ONT.

Thửa đất số 1320 tờ bản đồ số 12, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (cũ), có nguồn gốc là của ông Bùi Hữu C nhận chuyển nhượng lại từ ông ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị V2 vào năm 2019 và ông C được nhà nước cấp giấy cùng năm 2019. Diện tích đất ghi trong giấy là 389m^2, loại đất ONT.

Theo tài liệu, chứng cứ mà các bên cung cấp thì hồ sơ cấp giấy của cả hai bên đều không đo đạc thực tế, chỉ trích lục bản đồ địa chính, các hộ dân có đất liền kề không ký biên bản giáp ranh. Theo mảnh trích đo địa chính phần đất tranh chấp thì diện tích đất tại thửa số 632 của ông V qua đo đạc thực tế là 138,1m^2, so

với diện tích đất được cấp thì ông V bị thiếu 48,9m^2. Tuy nhiên, phần diện tích đất bị thiếu hụt này ông V cho rằng ông C đang chiếm dụng là không có cơ sở. Bởi lẽ, về hình thể ranh đất, tứ cận các thửa đất số 132, 1320 trước khi ông H chuyển nhượng cho ông V, ông Đ chuyển nhượng cho ông C thì ranh giới đất giữa hai bên là một đường thẳng. Ông V cho rằng ông C lấn sang một phần thửa đất và yêu cầu ông C trả lại phần đất lấn chiếm. Nếu cộng vào phần đất đang tranh chấp vào thửa đất 632 của ông V thì hình thể thửa đất của ông V không phù hợp với hình thể ,tứ cận thửa đất trước khi ông H chuyển nhượng đất. Không phù hợp với ranh bản đồ địa chính của 02 thửa đất, thể hiện tại mảnh trích đo bản đồ địa chính phần đất tranh chấp do Công ty đo đạc nhà, đất Trung Nhĩa lập, đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ phê duyệt ngày 08/02/2021. Mặt khác, theo lời trình bày của ông Lê Văn Đ (người chuyển nhượng đất cho ông C vào năm 2019): khi chuyển nhượng đất cho ông C cũng không đo đạc thực tế, chỉ trích lục bản đồ địa chính nhưng ranh mốc giới khi đó đã có các trụ xi măng cắm mốc phân ranh giữa 02 thửa đất và hiện các trụ ranh này vẫn còn trên thực địa.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc V về việc yêu cầu ông Bùi Hữu C trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 20,2m^2 là không có căn cứ, không phù hợp với Điều 175, 176 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Lê Thành N: ông N khởi kiện yêu cầu ông V, ông C trả lại phần diện tích đất cho rằng bị lấn chiếm tại một phần thửa số 631, tờ bản đồ số 12, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (cũ), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Thành N đang đứng tên. Thấy rằng quan hệ pháp luật ông N đang tranh chấp là tranh chấp về quyền sử dụng đất thì phải được hòa giải tại cơ sở cấp xã, phường nơi có đất đang phát sinh tranh chấp quy định tại Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013. Hồ sơ khởi kiện của ông Lê Thành N không thể hiện vụ việc đã hòa giải tại cơ sở (UBND cấp xã) trước khi nộp đơn khởi kiện là chưa có đủ điều kiện khởi kiện. Do vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thành N là đúng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[4]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí thẩm định giá và chi phí trích đo bản vẽ: Hội đồng xét xử đã chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, trích đo bản vẽ, chi phí thẩm định giá tổng số tiền 19.500.000 đồng và đã chi phí xong nên buộc ông Trần Quốc V phải chịu chi phí này là đúng quy định tại Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]. Về án phí:

Tài sản tranh chấp có đơn giá 5.667.000đ/m^2, vật kiến trúc có giá trị 2.455.000 đồng nên làm cứ tính án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên giá trị phần diện tích đất tranh chấp nhưng bị bác yêu cầu để sung ngân sách nhà nước là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 26, 35, 39, 92, 147, 157, 165, 217, 218, Điều 222, Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 175, 176 của Bộ Luật dân sự; các điều 6, 12, 100 và 125 Luật Đất đai năm 2013; Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

***Tuyên xử*:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc V về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, ranh giới đất đối với ông Bùi Hữu C tại một phần thửa 632, tờ bản đồ số 12, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (cũ).

Ông Bùi Hữu C được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng dụng phần diện tích đất 20,2m^2 thuộc một phần thửa đất số 1320, tờ bản đồ số 12, tạo lạc tại ấp B xã Đ, Đ, Long An (nay là ấp C, xã M, tỉnh Tây Ninh); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Bùi Hữu C đang đứng tên.

Vị trí, diện tích đất: theo mảnh trích đo địa chính số 1160-2021 do Công ty TNHH Đ1 lập ngày 22/01/2021, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 08/02/2021).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thành N về việc yêu cầu ông Trần Quốc V trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích khoảng 22m^2; yêu cầu ông Bùi hữu C phải trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích khoảng 8,4m^2 thuộc một phần thửa 631, tờ bản đồ số 12, xã Đ, Đ, Long An (nay là xã M, tỉnh Tây Ninh) vì chưa có đủ điều kiện khởi kiện.

Ông Lê Thành N được quyền khởi kiện lại vụ án khi có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định pháp luật.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định giá; chi phí trích đo bản vẽ: tổng số tiền 19.500.000 đồng và đã chi phí xong nên buộc ông Trần Quốc V phải chịu.

4. Về án phí:

Buộc ông Trần Quốc V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 5.846.4000 đồng sung ngân sách nhà nước, nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí mà

ông V đã nộp là 7.500.000 đồng theo biên lai thu số 4157 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 – Tây Ninh), sang án phí để thi hành. H1 lại cho ông Trần Quốc V 1.653.600 đồng, là tiền tạm ứng án phí còn thừa.

Ông Bùi Hữu C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại tiền tạm ứng án phí mà ông Lê Thành N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 11455 ngày 05/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 – Tây Ninh).

5. Về quyền kháng cáo:

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật tố tụng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV 3;
- Phòng THADS KV 3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Đã ký

Văn Công Thức

Thành viên Hội đồng xét xử **Chủ tọa phiên tòa**